

Số: 01/2025/QĐST-VDS

Cẩm Khê, ngày 18 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản
phân chia tài sản chung để thi hành án

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Ông Trần Việt Dũng.
- *Thư ký phiên họp:* Bà Hà Thị Phương Chinh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên họp:* Bà Nguyễn Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 01/2024/TLST-VDS ngày 05/11/2024 về "Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản phân chia tài sản chung để thi hành án" theo Quyết định mở phiên họp số: 01/2025/QĐST-VDS ngày 19/3/2025 và Quyết định hoãn phiên họp số 01/2025/QĐST-VDS ngày 28/3/2025 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Vũ Đức T, sinh năm 1987 – Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Khu S, xã H, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Khu S, xã H, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

3. Ông Phạm Ngọc U, sinh năm 1949

Địa chỉ nơi ĐKKHKT: Bản K, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Nơi tạm trú: Khu Suối 1, xã H, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 15/10/2024 và các lời trình bày tiếp theo tại Tòa án, người yêu cầu ông Vũ Đức T trình bày:

Căn cứ Bản án số: 09/2022/DSST ngày 16/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; Bản án số: 55/2022/DSPT ngày 08/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ Quyết định thi hành án số: 79/QĐ-CCTHADS ngày 07/11/2023 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ Khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Theo Bản án và Quyết định thi hành án thì bà Nguyễn Thị H phải thi hành khoản thanh toán cho ông Phạm Ngọc Uyên số tiền gốc và lãi là: 650.000.000,đ (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng*).

Quá trình xác minh điều kiện thi hành án, Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê được biết bà Nguyễn Thị H có tài sản chung với ông Nguyễn Văn B là: Quyền sử dụng 248,4m² đất (Trong đó đất ONT là 100m²; đất CLN là 148,4m² thời hạn sử dụng đến ngày 01/7/2064), tại thửa đất số 349, tờ bản đồ số 43. Được UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 696675 ngày 25/5/2021 đứng tên ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H, địa chỉ thửa đất: Khu S, xã H, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Chấp hành viên Chi cục THADS huyện Cẩm Khê đã thông báo cho người phải thi hành án phân chia tài sản theo quy định nhưng các bên không tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự; Người được thi hành án có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự. Nhưng hết thời hạn người phải thi hành án, người được thi hành án không yêu cầu Tòa án giải quyết. (Theo quy định tại Điều 74 Luật thi hành án dân sự).

Để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự, người có quyền và nghĩa vụ liên quan. Chấp hành viên, Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê xác định phần quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn B đối với diện tích 248,4m² đất (Trong đó đất ONT là 100m²; đất CLN là 148,4m² thời hạn sử dụng đến ngày 01/7/2064), tại thửa đất số 349, tờ bản đồ số 43, không đề nghị về phần tài sản trên đất, để cơ quan thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê làm căn cứ kê biên, xử lý tài sản theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng đã có lời khai trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn B là vợ chồng, vợ chồng ông bà có tài sản chung là thửa đất 349, tờ bản đồ số 43, diện tích 248,4m² đất (Trong đó đất ONT là 100m²; đất CLN là 148,4m² thời hạn sử dụng đến ngày 01/7/2064) tại khu S, xã H, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Đã được UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/01/2021 đứng tên ông bà. Nguồn gốc đất là do vợ chồng ông bà nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Hoài Linh (anh trai ông B). Ông Vũ Đức T – chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu và phần quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên để thực hiện việc thi hành án theo bản án số 55 ngày 08/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thì bà có quan điểm như sau: Bà và ông B có quyền sử dụng ngang nhau với

thừa đất trên nhưng bà và ông B không tự thỏa thuận phân chia được nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn B vắng mặt nhưng đã có lời khai trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng, vợ chồng ông bà có tài sản chung là thửa đất 349, tờ bản đồ số 43, diện tích 248,4m² đất (Trong đó đất ONT là 100m²; đất CLN là 148,4m² thời hạn sử dụng đến ngày 01/7/2064) tại khu S, xã H, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Đã được UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/01/2021 đứng tên ông, bà. Nguồn gốc đất là do vợ chồng ông bà nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Hoài L (anh trai ông). Ông Vũ Đức T – chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu và phần quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên để thực hiện việc thi hành án theo bản án số 55 ngày 08/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thì ông có quan điểm như sau: Bà H không có quyền sở hữu, sử dụng gì đối với thửa đất trên. Bởi vì ông đã cho bà H bán 04 thửa đất để trả nợ cho bà H, giá trị lớn hơn kỷ phần của bà H trong khối tài sản chung vợ chồng. Tài liệu chứng cứ chứng minh ông sẽ cung cấp cho Tòa án sau.

Ông Phạm Ngọc U vắng mặt nhưng đã có lời khai trình bày: Tại bản án số 09/2022/DSST ngày 16/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê và tại bản án số 55/2022/DSPT ngày 08/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thì bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975, địa chỉ: Khu S, xã H, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ có nghĩa vụ phải trả nợ cho ông số tiền gốc và lãi là 650.000.000đ. Tuy nhiên, bà H không tự nguyện thi hành án. Ông đã có đơn đề nghị Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê để yêu cầu thi hành án. Qua xác minh thì Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê xác định bà H có tài sản chung với chồng (Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1970, địa chỉ: Khu S, xã H, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ) là thửa đất 349, tờ bản đồ 43, diện tích 248,4m² (100m² đất ONT, 148,4m² đất CLN), tại khu S, xã H, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông B và bà H ngày 25/5/2021. Nay ông Vũ Đức T là chấp hành viên chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự với bà H, “Yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất trong khối tài sản chung của vợ chồng” đối với thửa đất 349, tờ bản đồ 43, diện tích 248,4m² như nêu trên thì ông cũng đồng ý với yêu cầu của ông T. Đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự này để cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê có căn cứ thi hành án cho ông.

Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với thửa đất số 349, tờ bản đồ 43, diện tích 248,4m² (100m² đất ONT, 148,4m² đất CLN), được UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 696675 ngày 25/5/2021 đứng tên ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H, địa chỉ thửa đất: tại khu S, xã H, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Trong đó: + Quyền sử dụng 1m² đất ONT có giá 11.000.000đ/m² x 100m² = 1.100.000.000đồng; Quyền sử dụng 1m² đất CLN được hội đồng định giá 300.000đ/m² x 148,4m² = 44.520.000đồng. Tổng giá trị quyền sử dụng đất của bà H và ông B là: 1.144.520.000 đồng.

Trên đất có các tài sản là: 01 mái tôn sườn sắt, cột sắt, vì kèo sắt có chiều cao 5m diện tích 74m² trị giá là 400.000đ/ m² = 29.600.000đồng; 01 nền bê tông sỏi diện tích 74m² trị giá 100.000đ/m² = 7.400.000đồng; 01 kho để đồ xung quanh lợp tôn, sườn sắt có diện tích 13,7m² trị giá 200.000đ/m² = 2.740.000đồng.

Quá trình thẩm định bà H vắng mặt, ông B có mặt và trình bày tài sản trên đất không phải là tài sản chung của vợ chồng, không đề nghị giải quyết, nếu phải cưỡng chế kê biên ông tự nguyện tháo dỡ, di dời tài sản trên.

Tại phiên họp Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê phát biểu ý kiến:

- **Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết việc dân sự đến trước thời điểm ban hành quyết định giải quyết việc dân sự Thẩm phán, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự và ông Uyên đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Bà H và ông B được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do đã vi phạm tại khoản 15, 16 Điều 70, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- **Về nội dung:** Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê áp dụng Điều 367, 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2014; Điều 33, Điều 39 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 213 Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 74 của Luật thi hành án dân sự;

Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Vũ Đức T – Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê tỉnh Phú Thọ.

Xác định phần quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H là ½ giá trị đối với thửa đất số 349, tờ bản đồ 43, diện tích 248,4m² (100m² đất ONT, 148,4m² đất CLN). Được UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 696675 ngày 25/5/2021 đứng tên ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị H, địa chỉ thửa đất: tại khu S, xã H, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Đối với các tài sản trên đất do người yêu cầu không đề nghị xem xét nên không giải quyết.

- **Về lệ phí và chi phí tố tụng:**

Về lệ phí: Áp dụng khoản 4 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các đương sự không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê nhận định:

1. *Về tố tụng dân sự:* Ông Vũ Đức T có đơn yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của bà Nguyễn Thị H đối với đất ở khu S , xã H , huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Đây là việc dân sự “Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án” theo quy định tại khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35; điểm n khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Uyên có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bà H , ông B đã được Toà án tổng đạt hợp lệ quyết định mở phiên họp, quyết định hoãn phiên họp nhưng đều vắng mặt lần thứ 02 tại phiên họp không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành phiên họp vắng mặt bà H , ông B .

2. *Về yêu cầu của đương sự:*

Theo Bản án số: 09/2022/DSST ngày 16/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; Bản án số: 55/2022/DSPT ngày 08/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ Quyết định thi hành án số: 79/QĐ-CCTHADS ngày 07/11/2023 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ Khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Theo Bản án và Quyết định thi hành án thì bà Nguyễn Thị H phải thi hành khoản thanh toán cho ông Phạm Ngọc Uyên số tiền gốc và lãi là: 650.000.000,đ (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng*).

Quá trình xác minh điều kiện thi hành án, Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê được biết bà Nguyễn Thị H có tài sản chung với ông Nguyễn Văn B là: Quyền sử dụng 248,4m² đất (Trong đó đất ONT là 100m²; đất CLN là 148,4m² thời hạn sử dụng đến ngày 01/7/2064), tại thửa đất số 349, tờ bản đồ số 43. Được UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 696675 ngày 25/5/2021 đứng tên ông Nguyễn Văn B , bà Nguyễn Thị H , địa chỉ thửa đất: Khu S , xã H , huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Chấp hành viên Chi cục THADS huyện Cẩm Khê đã thông báo cho người phải thi hành án phân chia tài sản theo quy định nhưng các bên không tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự; Người được thi hành án có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự. Nhưng hết thời hạn người phải thi hành án, người được thi hành án không yêu cầu Tòa án giải quyết. (Theo quy định tại Điều 74 Luật thi hành án dân sự).

Để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự, người có quyền và nghĩa vụ liên quan. Chấp hành viên, Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê xác định phần quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn B đối với diện tích 248,4m² đất (Trong đó đất ONT là 100m²; đất CLN là 148,4m² thời hạn sử dụng đến ngày 01/7/2064), tại thửa đất số 349, tờ bản đồ số 43, không đề nghị về phần tài sản trên đất, để cơ quan thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê làm căn cứ kê biên, xử lý tài sản theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với thửa đất số 349, tờ bản đồ 43, diện tích 248,4m² (100m² đất ONT, 148,4m² đất CLN), được UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 696675 ngày 25/5/2021 đứng tên ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H, địa chỉ thửa đất: tại khu S, xã H, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Trong đó: + Quyền sử dụng 1m² đất ONT có giá 11.000.000đ/m² x 100m² = 1.100.000.000đồng; Quyền sử dụng 1m² đất CLN được hội đồng định giá 300.000đ/m² x 148,4m² = 44.520.000đồng. Tổng giá trị quyền sử dụng đất của bà H và ông B là: 1.144.520.000 đồng.

Trên đất có các tài sản là: 01 mái tôn sườn sắt, cột sắt, vì kèo sắt có chiều cao 5m diện tích 74m² trị giá là 400.000đ/ m² = 29.600.000đồng; 01 nền bê tông sỏi diện tích 74m² trị giá 100.000đ/m² = 7.400.000đồng; 01 kho để đồ xung quanh lợp tôn, sườn sắt có diện tích 13,7m² trị giá 200.000đ/m² = 2.740.000đồng.

Quá trình giải quyết bà H và ông B đều thống nhất trình bày: Vợ chồng ông, bà có tài sản chung là thửa đất 349, tờ bản đồ số 43, diện tích 248,4m² đất (Trong đó đất ONT là 100m²; đất CLN là 148,4m² thời hạn sử dụng đến ngày 01/7/2064) tại khu S, xã H, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Đã được UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/01/2021 đứng tên ông, bà. Nguồn gốc đất là do vợ chồng ông, bà nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Hoài Linh (anh trai ông B). Bà H trình bày: Bà và ông B có quyền sử dụng ngang nhau với thửa đất trên nhưng bà và ông B không tự thỏa thuận phân chia được nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Còn ông B trình bày: Bà H không có quyền sở hữu, sử dụng gì đối với thửa đất trên. Bởi vì ông đã cho bà H bán 04 thửa đất để trả nợ cho bà H, giá trị lớn hơn kỷ phần của bà H trong khối tài sản chung vợ chồng. Tài liệu chứng cứ chứng minh ông sẽ cung cấp cho Tòa án sau. Tuy nhiên ông B không xuất trình được bất cứ tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Việc bà H và ông B không tự xác định bà H về phần sở hữu quyền sở hữu tài sản và phần quyền sử dụng đất của chị H trong tổng giá trị tài sản của vợ chồng đã được Hội đồng định giá. Tại phiên họp Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê đề nghị chị H và anh B được sở hữu quyền sở hữu tài sản và phần quyền sử dụng đất là 1/2 trong tổng khối tài sản chung của vợ chồng. Ông Phạm Ngọc Uyên có lời trình bày nhất trí với đề nghị của ông T. Do vậy để đảm bảo việc thi hành án của bà H cần xác định bà H có quyền sử dụng là ½ giá trị đối với thửa đất số 349, tờ bản đồ 43, diện tích 248,4m² (100m² đất ONT, 148,4m² đất CLN). Được UBND huyện

Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 696675 ngày 25/5/2021 đứng tên ông Nguyễn Văn B , bà Nguyễn Thị H , địa chỉ thửa đất: tại khu S , xã H , huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Đối với các tài sản trên đất do người yêu cầu không đề nghị xem xét, phía ông B có quan điểm trình bày tài sản trên đất không phải là tài sản chung của vợ chồng nhưng không cung cấp thông tin tài sản là của ai, ông B không đề nghị giải quyết tài sản trên đất, nên phải cưỡng chế kê biên ông B tự nguyện tháo dỡ, di dời tài sản trên đất. Do vậy Tòa án không xem xét giải quyết về tài sản trên đất.

3. Về lệ phí và chi phí tố tụng: Theo quy định tại Điều 74; Điều 75 của Luật thi hành án dân sự; Khoản 4 Điều 11; Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do Chấp hành viên yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải chịu lệ phí việc dân sự. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 213 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 33, Điều 39 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 9 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm n khoản 2 Điều 39; Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2014;

2. Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Vũ Đức T – Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê tỉnh Phú Thọ.

Xác định phần quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H là $\frac{1}{2}$ giá trị đối với thửa đất số 349, tờ bản đồ 43, diện tích 248,4m² (100m² đất ONT, 148,4m² đất CLN). Được UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 696675 ngày 25/5/2021 đứng tên ông Nguyễn Văn B , bà Nguyễn Thị H , địa chỉ thửa đất: tại khu S , xã H , huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Đối với các tài sản trên đất do đương sự không đề nghị xem xét nên không giải quyết.

3. Về lệ phí và chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 74; Điều 75 của Luật thi hành án dân sự; Khoản 4 Điều 11; Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các đương sự không phải chịu lệ phí giải quyết vụ việc.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

4. Các đương sự trong vụ việc có quyền kháng cáo Quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (Mười) ngày kể từ ngày nhận được Quyết định giải

quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày Quyết định giải quyết việc dân sự được thông báo, niêm yết.

5. Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (Mười) ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- Lưu V P;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Việt D